

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 227/2021/HN-ST
Ngày: 23-6-2021
V/v tranh chấp ly hôn, tranh
chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Lom.
2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Ngọc L, sinh năm: 1982; đăng ký thường trú: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh B. Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH Đ, số 6 khu công nghiệp T, tỉnh N (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phan Thanh S, sinh năm: 1981; địa chỉ: 286/7 ấp P, xã V, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2021, văn bản trình bày ý kiến ngày 05/5/2021 nguyên đơn bà Mai Ngọc L trình bày:

Bà Mai Ngọc L và ông Phan Thanh S tiến đến hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh B ngày 18/7/2008. Thời gian chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cách sống. Bà và ông S đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay, bà đi làm và tạm trú tại Công ty TNHH Đ, số 6 khu công nghiệp T, tỉnh N. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Thanh S, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: bà và ông S có một người con chung tên Phan Minh T, sinh ngày 18/9/2003, hiện đang sống với bà L. Theo đơn khởi kiện bà L đồng ý để ông S trực tiếp nuôi con, bà L đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình hòa giải ông S vắng mặt nên bà L thay đổi yêu cầu về con chung, cụ thể bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L tự khai không có.

Trong suốt quá trình tố tụng, ông Phan Thanh S vắng mặt cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến nào cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt quy định pháp luật, tuy nhiên bị đơn dù được triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành tốt pháp luật tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L. Về con chung: đề nghị

giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và yêu cầu giải quyết về việc nuôi con nên Tòa án xác định loại tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Phan Thanh S có nơi cư trú tại ấp P, xã V, huyện C, tỉnh B nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại các điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà L; ông S dù được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông S là đúng quy định tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà L và ông S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh B vào ngày 18/7/2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông, bà có 01 người con chung là: Phan Minh T, sinh ngày 18/9/2003. Tuy nhiên, chung sống hạnh phúc được 06 năm thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà L là do bất đồng trong cách sống, bà và ông S đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Tại Biên bản xác minh ngày 06/5/2021 của TAND huyện Chợ Lách, người nhà của ông S xác định giữa bà L và ông S có mâu thuẫn, bà L bỏ đi làm từ năm 2010 tại tỉnh N, từ đó ly thân với ông S cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhiều lần tạo cơ hội cho ông S và bà L hòa giải hàn gắn với nhau nhưng ông S vẫn vắng mặt cho thấy ông S đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà L và ông S đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy việc bà L

yêu cầu ly hôn là có cơ sở nên được chấp nhận. Bà L không yêu cầu giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Về con chung:

Xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà L nhận thấy: người con chung của bà L và ông S là Phan Minh T, sinh ngày 18/9/2003 tuy chưa thành niên nhưng đã đi làm có thu nhập, hiện đang sống cùng với bà L. Khi được hỏi ý kiến, Phan Minh T mong muốn được sống với mẹ như hiện tại. Mặt khác, ông S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng không nộp cho Tòa án văn bản nào thể hiện mong muốn được trực tiếp nuôi con. Vì vậy, cần thiết giao cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi con là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: bà L tự khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về nợ chung: bà L tự khai không có nợ chung, trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có đơn yêu cầu giải quyết gì về nợ chung liên quan vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc nguyên đơn là bà Mai Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Đối với phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Ngọc L, cụ thể tuyên: Bà Mai Ngọc L được ly hôn với ông Phan Thanh S. Ghi nhận bà L không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

- Bà Mai Ngọc L được quyền trực tiếp nuôi con chung giữa bà với ông Phan Thanh S là Phan Minh T, sinh ngày 18/9/2003 (cháu T hiện đang sống chung với bà L). Bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Vì lợi ích của con chung, bà L và ông S hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, bà L và ông S có quyền thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà L xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản.

4. Về nợ chung: bà L tự khai không có nợ chung, trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có đơn yêu cầu giải quyết gì về nợ chung liên quan vụ án nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Ngọc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007212 ngày 13/4/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà Mai Ngọc L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Về việc kháng cáo đối với bản án: Bà Mai Ngọc L và ông Phan Thanh S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Nhanh